TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/3/2018.
V/v tranh chấp: "ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đình Dũng.**
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Lê Ngọc Vân**.
+ Ông **Lê Văn Thịnh**.
Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Xuân Thùy -** Thư ký Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: ông **Trần Cư** – Kiểm sát viên.

Ngày 20/3/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2017/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh V, sinh năm: 1985, trú tại: Thôn An T, xã Tam Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Chị T, sinh năm: 1990, trú tại: Thôn An T, xã Tam Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Anh V có mặt, chị T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo trình bày của **nguyên đơn** anh V tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay:

Anh V và chị T tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Q vào năm 2014. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị T có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, không lo chăm sóc chồng con. Do tình cảm vợ chồng đã hết, anh V làm đơn yêu cầu ly hôn chị T.

Về con chung: có một con chung tên H, sinh năm: 2011. Nếu ly hôn anh V yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

Bị đơn chị T vắng mặt nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo biên bản xác minh ngày 29/12/2017 tại Công an xã Tam Q, chị T có hộ khẩu tại thôn An T, xã Tam Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam và có mặt tại địa phương. Tòa án nhân dân huyện Núi Thành đã tiến hành thủ tục niêm yết cho chị T quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cũng như quyết đinh hoãn phiên tòa, thông báo về thời gian và địa điểm mở lại phiên tòa hợp lệ nhưng chị T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên vụ án vẫn được xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị T tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Q, huyện N vào tháng 03/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị T là hợp pháp.

Tuy nhiên từ năm 2017, chị T không chung sống với anh V, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đến hòa giải mong hai bên khắc phục mâu thuẫn quay về đoàn tụ xây dựng gia đình nhưng chị T không đến Tòa để hòa giải. Theo biên bản xác minh ngày 29/12/2017 tại Công an xã Tam Quang và biên bản xác minh ngày 01/3/2018 tại UBND xã Tam Quang xác định anh V và chị T thường xuyên xô xát nhau, hiện anh V, chị T không còn chung sống với nhau như vợ chồng. Như vậy nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh V và chị T là có thật. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa anh V và chị T nếu kéo dài cũng không đạt được mục đích, không hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu của anh V cho ly hôn với chị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Con chung: có một con chung tên H, sinh năm: 2011. Anh V có nguyện vọng được nuôi cháu H. Theo lời khai của anh V và xác nhận của chính quyền địa phương, hiện cháu H do anh V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Cháu H đang có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần cho cháu H, cần tiếp tục giao cháu H cho anh V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu H thành niên đủ 18 tuổi. Anh V không yêu cầu nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung: Không có.
- Nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của anh V kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật, riêng chị T không đến tham gia trong quá trình hòa giải, xét xử vụ án, không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh V đối với chị T; giao con chung H cho anh V tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

(3)Án phí HN&GĐ sơ thẩm anh V phải nộp 300.000đ được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí anh V đã nộp trước tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0001655 ngày 06/11/2017.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh V được ly hôn với chị T.

2. Về con chung: Giao con chung H, sinh năm 2011 cho anh V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu H thành niên đủ 18 tuổi. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

5. Án phí HN&GĐ sơ thẩm anh V phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí anh V đã nộp trước tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0001655 ngày 06/11/2017.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết, anh V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận :
-VKSND huyện Núi Thành;
- Các bên đương sự để thi hành;
- Thi hành án huyện Núi Thành;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Đình Dũng